

Quyết định giám đốc thẩm số 03/2004/HĐTP-KT ngày 26/02/2004 về vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

Cập nhật: 09-09-2011 16:44:22

QUYẾT ĐỊNH SỐ 03/2004/HĐTP- KT NGÀY 26-02-2004 VỀ VỤ ÁN TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG TÍN DỤNG

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

.....

Tại phiên toà ngày 26-02-2004 xét xử giám đốc thẩm vụ án kinh tế về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa:

– **Nguyên đơn:** Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long

Trụ sở: số 17 Bến Chương Dương, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

– **Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn Thương mại sản xuất Lam Giang

Trụ sở: số 171 Trần Hưng Đạo, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

– **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Nguyễn Đắc Cường, địa chỉ: số 197/6 Nguyễn Đình Chiểu, phường 11, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Thị Thanh Mỹ, địa chỉ: số 531 Hoà Hảo, phường 7, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN THẤY

Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long (gọi tắt là bên A) và Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại sản xuất Lam Giang (gọi tắt là bên B) có ký hợp đồng tín dụng số 101.01.99- HĐTD ngày 23-11-1999 với số tiền vay là 800.000.000đ. Thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày 24-11-1999 đến ngày 24-05-2000 gia hạn đến 24-11-2000. Lãi suất cho vay là 0,85%/tháng, lãi suất quá hạn 125%/tháng. Lãi phạt chậm trả là 5% tính trên số lãi chậm trả.

Thời hạn hợp đồng (điểm 2 Điều 12 Hợp đồng tín dụng 101.01.99) có hiệu lực từ ngày ký tới ngày bên B hoàn trả xong cả gốc và lãi cho bên A như thoả thuận.

Tài sản đảm bảo cho khoản nợ vay nói trên là căn nhà số A8 (số mới 18) đường Sư Vạn Hạnh nối dài, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh có công chứng số 78898 ngày 23- 11-1999 của Phòng công chứng Nhà nước số 2 thành phố Hồ Chí Minh do ông Nguyễn Đắc Cường đứng ra bảo lãnh (hành động nhân danh cá nhân) được uỷ quyền của vợ là bà Trần Thị Thanh Mỹ theo hợp đồng uỷ quyền số 20754 do Phòng công chứng Nhà nước số 2 thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 06-05-1998.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, ngày 24-11-1999 bên A đã giải ngân cho bên B vay 800.000.000đ. Từ ngày 24-11-1999 đến ngày 24-10-2000 bên B chỉ trả được 75.933.000đ tiền lãi, số tiền gốc 800.000.000đ vẫn nợ lại.

Do hợp đồng đã quá hạn và đơn đốc nhắc nhở nhiều lần bên B vẫn không thanh toán được nợ, ngày 19-04-2001 bên A đã có đơn khởi kiện yêu cầu bên B và phía bảo lãnh là ông Nguyễn Đắc Cường nhanh chóng thanh toán tiền nợ cho bên A.

Tại Bản án kinh tế sơ thẩm số 145/KTST ngày 10-09-2001, Toà án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bên A, buộc bên B phải trả toàn bộ vốn vay và lãi phát sinh, với tổng số tiền là 903.919.900đ, bao gồm nợ gốc là 800.000.000đ và số tiền lãi phát sinh tính đến ngày 10-09-2001 là 103.919.900đ.

– Bên B phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng Nhà nước.

– Trong trường hợp bên B không trả được nợ thì phát mại căn nhà số A8 (số mới 18) đường Sư Vạn Hạnh nối dài, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh theo hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 0041.99/HĐ-BL ký ngày 23-11-1999 đã được Phòng công chứng Nhà nước số 2 thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 78898 ngày 23-11-1999. Bác yêu cầu không phát mại căn nhà số A8 (số mới 18) đường Sư Vạn Hạnh nối dài, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh của bà Trần Thị Thanh Mỹ.

Sau khi xét xử sơ thẩm, cùng ngày 17-09-2001 ông Cường có đơn kháng cáo với nội dung không đồng ý phát mại căn nhà số A8 (số mới 18) đường Sư Vạn Hạnh nối dài, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh; bà Mỹ có đơn kháng cáo nội dung không đồng ý cho ông Cường mang căn nhà đi bảo lãnh cho người thứ ba

Tại Bản án kinh tế phúc thẩm số 10/KTPT ngày 27-02-2003, Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

– Sửa một phần Bản án kinh tế sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bên A, buộc bên B hoàn trả vốn vay và thanh toán lãi phát sinh với tổng số tiền là 903.919.900đ bao gồm nợ gốc 800.000.000đ và tiền lãi phát sinh đến ngày 10-09-2001 là 103.919.900đ.

Bên B phải tiếp tục trả lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn của Ngân hàng Nhà nước quy định trên số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong nợ.

– Tuyên bố hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 0041.99/HĐ-BL ký ngày 23-11-1999 đã được Phòng công chứng Nhà nước số 2 thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận số 78898 ngày 23-11-1999 giữa bên A, ông Nguyễn Đắc Cường và bà Hứa Thị Phấn là vô hiệu.

– Không phát mại căn nhà số A8 (số mới 18) đường Sư Vạn Hạnh nối dài, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh của bà Trần Thị Thanh Mỹ.

– Bên A có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị Thanh Mỹ toàn bộ giấy tờ nhà số A8 (số mới 18) đường Sư Vạn Hạnh nối dài, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh hiện đang quản lý theo hợp đồng bảo lãnh.

Sau khi xét xử phúc thẩm, ngày 02 tháng 07 năm 2003 bên A có đơn khiếu nại giám đốc thẩm, nội dung đề nghị công nhận hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 0041.99/HĐ-BL ngày 23-11-1999 có hiệu lực pháp luật; đề nghị Tòa án đồng ý cho bên A phát mại căn nhà số A8 (số mới 18) đường Sư Vạn Hạnh nối dài, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh để thu hồi nợ.

Ngày 27-11-2003, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao ra Quyết định kháng nghị số 10/KN-AKT, nội dung:

Bằng các quyền được ghi trong hợp đồng uỷ quyền có công chứng ngày 06-05-1998 và sự khẳng định trong văn thư ngày 03-01-2001 gửi Ngân hàng phát triển nhà Đồng bằng Sông Cửu Long của bà Mỹ, thấy có cơ sở để kết luận: Bà Mỹ đã tự nguyện trao toàn bộ quyền sở hữu ngôi nhà số A8 (số mới 18) đường Sư Vạn Hạnh nối dài, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 20 năm kể từ ngày 06-05-1998, hoặc cho tới khi bán xong căn nhà và ông Cường hoàn toàn không bị hạn chế bất cứ quyền nào trong quyền sở hữu tài sản được pháp luật quy định tại các Điều 189; 198; 201 Bộ luật Dân sự. Do đó, hành vi của ông Cường dùng căn nhà số A8 (số mới 18) đường Sư Vạn Hạnh nối dài, phường 12, quận 10 thành phố Hồ Chí Minh do bà Mỹ đứng tên chủ sở hữu làm tài sản bảo lãnh cho bên B vay tiền của bên A là không vượt quá phạm vi uỷ quyền của bà Mỹ và cũng không trái với quy định tại Điều 180 Bộ luật Dân sự: “Người không phải là chủ sở hữu cũng có quyền chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản không thuộc quyền sở hữu của mình theo thoả thuận với chủ sở hữu tài sản đó hoặc theo quy định của pháp luật”.

Việc Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng khoản 2 Điều 366 Bộ luật Dân sự tuyên bố hợp đồng bảo lãnh bị vô hiệu là gây hậu quả thất thoát tài sản lớn của Nhà nước.

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 75 Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế, Kháng nghị Bản án kinh tế phúc thẩm số 10/KTPT ngày 27-02-2003 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục giám đốc thẩm, đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao sửa một phần Bản án kinh tế phúc thẩm số 10/KTPT ngày 27-02-2003 theo hướng y án sơ thẩm - công nhận hợp đồng bảo lãnh số 0041.99/HĐ-BL ngày 23-11-1999 giữa ông Nguyễn Đắc Cường, bà Hứa Thị Phần (giám đốc bên B) và bên A là hợp đồng kinh tế hợp pháp có hiệu lực pháp luật.

XÉT THẤY

Căn nhà số A8 (số mới 18) đường Sư Vạn Hạnh nối dài, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh có trong thời kỳ hôn nhân giữa ông Cường và bà Mỹ; căn nhà này bà Mỹ đứng tên mua của Công ty xây dựng dịch vụ quận 10, thành phố Hồ Chí Minh đang chờ làm giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, đất ở. Ngày 06-05-1998 bà Mỹ làm hợp đồng uỷ quyền cho ông Cường thay mặt bà làm các thủ tục hợp thức hoá căn nhà trên đứng tên bà Mỹ là chủ sở hữu; ngày 25-11-1998 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy phép xây dựng nhà đứng tên bà Mỹ đã hoàn thành; ngày 17-08-1999 bà Mỹ và ông Cường ly hôn. Trước đó tại hợp đồng uỷ quyền ngày 06-05-1998 giữa bà Trần Thị Thanh Mỹ (bên A) và ông Nguyễn Đắc Cường (bên B) có nội dung như sau:

1. Bên B được quyền thay mặt bên A:

- Làm thủ tục hợp thức hoá nhà (xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở).
- Sau khi hợp thức hoá xong, bên A được quyền quản lý, sử dụng, mua bán, thế chấp, sang nhượng căn nhà số A8 (số mới 18) đường Sư Vạn Hạnh nối dài, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.
- Trường hợp có thế chấp, nếu ông Cường không trả được nợ, tôi bằng lòng để Ngân hàng phát mại căn nhà.

2. Trong phạm vi uỷ quyền, bên B được quyền lập văn bản, ký tên trên các giấy tờ liên quan và thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Theo hợp đồng uỷ quyền này, ông Cường (bên B) chỉ được quyền thay mặt bà Mỹ “làm thủ tục hợp thức hoá nhà (xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở)...”. Sau khi hợp thức hoá nhà xong, quyền sở hữu căn nhà thuộc về bà Mỹ. Bà Mỹ (bên A) là người có quyền: “... quản lý, sử dụng, mua bán, thế chấp, sang nhượng...”. Chỉ trong trường hợp có thế chấp ông Cường không trả được nợ bà Mỹ mới đồng ý phát mại căn nhà trên để trả nợ. Do đó, việc ông Cường mang tài sản là căn nhà số A8 (số mới 18) đường Sư Vạn Hạnh nối dài, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh không thuộc sở hữu của mình đi bảo lãnh cho Công ty TNHH Lam Giang vay tiền của Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng Sông Cửu Long là vượt quá giới hạn uỷ quyền và vi phạm pháp luật.

Theo biên bản làm việc với Tòa án cấp sơ thẩm cũng như tại bút ký phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà Mỹ đều khai ông Cường mang căn nhà đi bảo lãnh cho Công ty TNHH Lam Giang (của bà Hứa Thị Phần) vay tiền bà Mỹ không hề biết, điều này còn được chứng minh tại hợp đồng bảo lãnh số 0041.99/HĐ-BL ký ngày 23-11-1999 giữa ông Nguyễn Đắc Cường, bà Hứa Thị Phần (Giám đốc bên B) và Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng Sông Cửu Long có tên của bà Trần Thị Thanh Mỹ là bên bảo lãnh nhưng không có chữ ký của bà Mỹ. Theo văn thư bà Mỹ gửi Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng Sông Cửu Long ngày 03-01-2001 nội dung giao toàn quyền sở hữu nhà cho ông Cường. Nhưng tính pháp lý của văn thư này không được chứng minh (chỉ có bản phô tô). Bản thân bà Mỹ tại các lời khai có trong hồ sơ và tại bút ký phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm cũng đều phủ nhận nội dung văn thư này. Hơn nữa, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 630/HSST ngày 10-04-2002 đến ngày 24-05-2002 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, bà Trần Thị Thanh Mỹ đã tự nguyện mang tài sản thuộc sở hữu của mình là căn nhà số A8 (số mới 18) đường Sư Vạn Hạnh nối dài, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh giao cho Ngân hàng Việt Hoa để trả nợ thay cho anh trai bà Mỹ là Lâm Vĩnh. Căn nhà này đã được bàn giao cho Ngân hàng Việt Hoa phát mại để thu hồi vốn. Bản án hình sự sơ thẩm nêu trên đã có hiệu lực pháp luật và ông Cường không kháng cáo.

Căn cứ vào những nhận định trên, xét thấy nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao về việc yêu cầu công nhận hợp đồng bảo lãnh số 0041.99/HĐ-BL ngày 23-11-1999 giữa ông Nguyễn Đắc Cường, bà Hứa Thị Phần và Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng Sông Cửu Long là không có căn cứ. Vì vậy, không có căn cứ pháp luật để chấp nhận Kháng nghị số 10/KN- AKT ngày 27-11-2003 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đối với Bản án kinh tế phúc thẩm số 10/KTPT ngày 27-02-2003 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố

Hồ Chí Minh.

Bởi các lẽ trên và căn cứ khoản 1 Điều 80 Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế,

QUYẾT ĐỊNH

Bác Kháng nghị số 10/KN- AKT ngày 27-11-2003 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao và giữ nguyên Bản án kinh tế phúc thẩm số 10/KTPT ngày 27-02-2003 của Tòa Phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

Lý do bác Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát và giữ nguyên Bản án phúc thẩm:

– Nội dung Kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao về việc yêu cầu công nhận hợp đồng bảo lãnh số 0041.99/HĐ- BL ngày 23/11/1999 giữa ông Nguyễn Đắc Cường, bà Hứa Thị Phấn và Ngân hàng phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long là không có căn cứ.